

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1247/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Bá Chương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lam, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2153/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1612/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2615/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công M; Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân – CN Quận G; Địa chỉ liên hệ: 370 đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 370 đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), (theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2025). (có yêu cầu vắng mặt)

Bị đơn: bà Lý Thị Thu T năm 1992

Địa chỉ: số D K, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 4 K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2023 và lời trình bày của ông Nguyễn Công M người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S.

Nội dung khởi kiện: Ngày 08/4/2022 Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) ký với bà Lý Thị Thu T1 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, phát hành thẻ mới với hình thức vay tiền qua thẻ Visa Classic, số thẻ 472074-3953, tài khoản thẻ 3339313698, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ ngày được cấp thẻ tín dụng bà Lý Thị Thu T1 đã giao dịch với tổng số tiền 249.602.500 đồng, bà Lý Thị Thu T1 đã thanh toán số tiền 258.625.000 đồng, kể từ lần giao dịch sau cùng ngày 24/4/2023 thì bà Lý Thị Thu T1 ngưng không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng S theo thỏa thuận giữa hai bên. Do bà Lý Thị Thu T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S. Do đó, ngày 24/4/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang tiền nợ quá hạn với bà Lý Thị Thu T1 và thông báo khởi kiện để thu hồi toàn bộ tiền nợ thẻ tín dụng trên.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lý Thị Thu T1 thanh toán cho Ngân hàng S tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 103.064.248 đồng (một trăm lẻ ba triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng), (trong đó tiền nợ gốc là 62.990.888 đồng, tiền nợ lãi là 40.073.360 đồng).

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn bảo lưu yêu cầu của mình như trên. Về tiền lãi suất kể từ ngày 30/9/2025, bà Lý Thị Thu T1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Lý Thị Thu T1 trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng

không đến. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ quan hệ hợp đồng tín dụng về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Lý Thị Thu T1 có nơi cư trú trên địa bàn phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn bà Lý Thị Thu T1 vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là bà Lý Thị Thu T1 thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với chủ thể của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S và bị đơn vắng mặt, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Vấn đề này HĐXX thấy rằng: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S ngày 08/4/2022 thì bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn, hình thức vay tiền qua thẻ tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, với hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ và sử dụng thì bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn, căn cứ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay” là không thanh toán tiền đúng hạn cho nguyên đơn và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong

thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 103.064.248 đồng, là có cơ sở pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi quá hạn từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn. Xét, lãi suất áp dụng giữa các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn, trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

Từ những phân tích, nhận định trên và Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nhận thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền án tạm ứng phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 233, Điều 235, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Lý Thị Thu T1 trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 103.064.248 đồng (một trăm lẻ ba triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày 30/9/2025, bà Lý Thị Thu T1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lý Thị Thu T1 phải chịu 5.153.212 đồng (năm triệu một trăm năm mươi ba ngàn hai trăm mười hai đồng).

H lại cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.607.441 đồng (một triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm bốn mươi một đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000506 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 – TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Loan

